

Thành Tôn

Châu Thị Ngọc Lê



Con đất Đại Lộc, rộng khoảng sáu trăm cây số vuông của Quảng Nam là nơi phát sinh ra phong trào Dân Biên, chống lại sưu cao, thuế nặng đầu tiên tại Việt Nam vào năm 1908. Về mặt văn học, xứ đất thịt này đã sinh ra

- Danh sĩ Huỳnh Qùy, thường được gọi là Tú Qùy.
- Nhà thơ Nam Trân, tác giả thi tập Huế Đẹp Và Thơ
- Nhà thơ kiêm họa sĩ, võ sĩ Hạ Quốc Huy (hiện ở Cali Hoa Kỳ)
- Nhà thơ Hạ Đình Thao
- Nhà thơ Nguyễn Hữu Thụy
- Nhà thơ Trinh Đường, một người tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp và lún sâu trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, nhưng đã có những câu thơ, mô tả trung thực về làng quê, nơi ông đã sinh ra :

*" còn cát giữa sông thuyền mắc cạn
làng ta cuối xóm lở về đâu
trông lên núi Trọc nguồn khô kiệt
đến trẻ sơ sinh cũng bạc đầu"*

Nhưng gần gũi, thân thiết với Đà Nẵng nhất là nhà thơ Thành Tôn.

Ra đời vào ngày 09 tháng 9 năm 1943 tại xã Lộc Phước trong gia đình ông Lê Mẫn và bà Nguyễn Thị Cưu, Thành Tôn sống tại quê nhà một thời gian ngắn, rồi cùng gia đình dời ra thị xã Hội An để tránh khỏi lửa chiến tranh.

Qua hết cấp tiểu học tại gia, Thành Tôn vào trung học Trần Cao Vân Tam Kỳ, Năm 1958 đến Hội An, theo học tại trường Trần Quý Cáp, trong hai niên khóa đệ tam và đệ nhị. Thành Tôn đến Đà Nẵng vào năm 1962, anh hoàn tất năm đệ nhất tại trường Phan Châu Trinh. Vì hoàn cảnh gia đình, anh vừa học Văn Khoa Huế, vừa dạy giờ tại các trường Phan Thanh Giản, Thánh Vinh Sơn (một chi nhánh của trường trung học Sao Mai, tại An Hải). Cùng lúc này anh ghi danh học hàm thụ môn Triết

tại đại học Đà Lạt. Năm 1966 Thành Tôn làm lễ cưới chị Phan Thị Trinh tại Đà Nẵng. Cuộc tình của Tôn, Trinh hình như đã mạnh mẽ từ những ngày anh theo học ở Trần Cao Vân ; bởi vì chị Trinh vốn là con dân của thị xã Tam Kỳ, mặc dù chị đang là công chức của Ty Thuế Vụ Đà Nẵng. Năm 1967, Thành Tôn vào quân trường Bộ Binh, khóa 25 theo lệnh gọi. Nhạc sĩ Vũ Thành An cũng có mặt trong khóa này.

Chín tháng học làm lính chỉ huy đi qua, Thành Tôn may mắn được chọn làm chánh văn phòng (bí thư) cho hai đời : Đại Tá Hoàng Đình Thọ, và Đại Tá Đào Mộng Xuân, tỉnh trưởng tỉnh Quảng Tín. Sau đó chuyển về phòng Tâm Lý Chiến. (Chức vụ cuối cùng cho đến cuối tháng 3/1975: Trưởng Phòng Tâm Lý Chiến).

Cũng như những sĩ quan "Ngụy" khác, Thành Tôn trình diện ban quân quản vừa được thành lập. Anh bị đẩy vào các trại giam và cưỡng bách lao động tại miền Bắc để tẩy não. Có thời anh ở chung trại 12 Vĩnh Phú với Phan Nhật Nam, rồi dời qua trại 10 Yên Bái. Mỗi một phân đất trên da thịt Việt Nam, nơi nào cũng là quê hương. Nhưng ở trên đất ông bà để lại phải tùy thuộc vào điều kiện, tâm trạng...mới là vấn đề chính yếu. Dù sao Thành Tôn cũng có thêm một vốn sống xót xa, tủi cực. Trong suốt chín năm bất khuất đứng lại với đời, Chị Thành Tôn đã đưa gia đình vào Sài Gòn. Từ một chốn lạ nước, lạ đất, người đàn bà Tam Kỳ một mặt dành dụm thăm nuôi chồng, một mặt chăm sóc mẹ già và nuôi dạy 3 người con, có cháu ngày nay đã trở thành Y khoa Bác sĩ.

Thành Tôn được trở về với gia đình với tâm trạng bi quan trước cuộc sống. Ngồi tập đàn từng mũi len giúp vợ, anh luôn luôn nghe ngóng những biến động của thời cuộc. Khi chúng tôi có mặt tại Sài Gòn để chuẩn bị qua Canada theo diện đoàn tụ gia đình. Chúng tôi thường ghé nhà anh chị ở Bình Thạnh. Vợ tôi phục chị Trinh sát đất trước những tháo vác, quán xuyến của chị. Chị cũng luôn luôn xem vợ tôi như một người em gái, tận tình chỉ bảo rất nhiều điều cần thiết cho cuộc đời mới sắp đến của chúng tôi. Những hồn nhiên, cởi mở của Tôn ngày trước đã mất đi nhiều. Những bài thơ của anh trong lúc này là những tiếng thở dài sâu thẳm và kín đáo. Cũng may khi chúng tôi đã ra đi, Thành Tôn gặp lại một số bạn văn có lòng thời trước. Những Dynh Hoàng Sa, Hà Nguyên Thạch, Lê Vĩnh Thọ, Hoàng Trọng Bân, Đinh Trầm Ca, Huy Tường...đã giúp anh dần dần lấy lại một phần nào thể quân bình giữa nội tâm và ngoại giới . Ông đại úy ngày xưa không mấy khi uống rượu, bây giờ đã biết hương vị của nhiều thứ đế quốc nội, lẫn bia hơi. Chỉ có thuốc lá chưa cù rũ được anh.

Chín năm tù tội, lao động không công của Thành Tôn, bất ngờ giúp anh trở thành một ông H.O . Hồ sơ xuất ngoại của anh được lập ngay đợt thứ nhất trong chương trình ra đi này, nhưng vì mẹ già , anh chấp nhận rời quê hương trong chuyến sau cùng (AF1), trở thành một trong những người định cư tại Mỹ muộn nhất.

Nhìn qua những sinh hoạt Văn Học Nghệ Thuật của nhà thơ Thành Tôn, ta thấy :

Anh bắt đầu làm thơ rất sớm. Thời ở Hội An, anh đã cùng Thái Tú Hạp, Hoàng Quy ẩn hành một tuyển tập thi ca với tên Tình Người Sông Thu. Tuyển tập này được thực hiện dưới hình thức quay ronéo, phổ biến hạn chế. Cũng như một số bạn trẻ làm thơ khác tại những tỉnh lẻ, thơ Thành Tôn được chọn đăng trên hầu hết các tạp chí văn học nghệ thuật tại thủ đô Sài Gòn. Với bản tính chất phát, hết lòng với bè bạn, anh được hầu hết các bạn văn khắp nơi mến mộ. Là một người giữ chữ Tín ngon lành nhất trong các bạn, đồng thời rất chịu khó, Thành Tôn đã được hai nhà xuất bản lớn thời bấy giờ là An Tiêm và Lá Bối chọn giữ chân đại diện và phát hành mọi mặt sách do hai nhà xuất bản này ấn hành. Lòng yêu chữ nghĩa đã giúp anh vượt qua những nặng nhọc để giúp cho việc phổ biến các tác

phẩm có giá trị thêm rộng rãi hơn.

Cùng với Luân Hoán, Lê Vĩnh Thọ, anh chủ trương nhà xuất bản mang tên Thơ. Đây là một cơ sở chỉ chuyên in và phát hành những tập thơ cùng những biên khảo có liên quan đến thi ca, đầu tiên tại Việt Nam. Tiếc rằng thời gian thành lập đến biên cô lịch sử năm 1975, quá gần, "nhà xuất bản tài tử" này chỉ mới giới thiệu được số sáng tác của :

- Lê Vĩnh Thọ, Phạm Thế Mỹ, Luân Hoán với Hòa Bình Ơi Hỡi Đến
- Vĩnh Điện, Lê Vĩnh Thọ, Luân Hoán : Lục Bát Ca
- Phan Nhựt Thức : Đốt Tuổi
- Khắc Minh, Luân Hoán : Thơ Tình
- Khắc Minh, Luân Hoán : Điệp Khúc Chân Mây, Ca Dao Tình Yêu

(Chúng tôi không nêu lên những sinh hoạt về mặt nội của Thành Tôn đóng góp cùng các bạn văn thời ở Đà Nẵng, vì trí nhớ có thể làm sai lạc những chi tiết, xin cáo lỗi)

Nhìn về thơ. Cũng như đa số những người làm thơ xuất thân từ Đất Quảng Nam, Trong giai đoạn đầu, thơ Thành Tôn khai triển trong chủ đề tình quê hương và tình tự dân tộc. Đa số thơ của anh được chuyên chở qua thể loại 7 chữ, hoặc 8 chữ. Ngôn ngữ giản dị, trong sáng. Hình ảnh thân quen của thôn làng, cùng những con người chất phát, dôi dào tình người là trọng điểm trong thơ Thành Tôn. Mặc dù không muốn dẫn giải như một bài giảng văn, chúng tôi cũng xin trích dẫn dưới đây một số bài tiêu biểu trong tập Thấp Tình, tập thơ đầu tay của anh, được nhà xuất bản Ngưỡng Cửa, tiền thân của nhà xuất bản Thơ phát hành năm năm 1969.

Chúng tôi xin bỏ trong dấu ngoặc về chuyện hình thành thi tập Thấp Tình. Đây là một quyển sách được chính tác giả thực hiện từ A đến Z. Trước Thành Tôn, nhà văn Võ Phiến vào năm 1950 cũng tự thực hiện tác phẩm Chữ Tình của ông; và sau Thành Tôn, năm 1972 nhà xuất bản Con Đường, cũng hoàn tất tập Lục Bát Của Huy Tường dưới hình thức này. Vì tính chất đặc biệt đó, khi triển lãm sách ở Sài gòn, tập Thấp Tình được để riêng một cũi, để bạn đọc thấy được lòng yêu sách của tác giả, đồng thời cái hoàn hảo của một công trình thủ công.

bài : Hương Đồng Phan Nội

*Đợt khói lam chiều tương tư mái rạ
anh thấy gì trong đó hay không ?
nếp sống bình yên màu xanh sắc lá
gói ghém cuộc đời nắng hạ mưa đông*

*tản bộ nhàn du dừng chân xóm Hạ
mới thấy cảm nhiều luyến mến quê hương
những túp lều tranh ấm tình thôn dã
tô đắp cuộc đời một nắng hai sương*

*sáng ra đồng những bác Tư cày cuốc
trong trường làng những thằng Út ê a...
vọng từ ruộng dâu tiếng hò quen thuộc
giọng những cô Lài trầm bổng gần xa*

sau cửa hoàng hôn đèn dầu lụn bắc
tất cả như vừa quên mọi âu lo
áo và quần khâu gói tròn chân thật
niềm thương yêu len lỏi giữa câu hò

trống sớm làng Trung, chuông chùa xóm Thượng
tiếng quê hương vang vọng tháng năm dài
giọng hát : à ơi...chảy tràn tám hướng
tiếng nói cuộc đời khoan nhặt êm tai

những thứ ấy những hương đồng phần nội
tô điểm cuộc đời thâm lặng thêm duyên
dù nắng rào đường, dù mưa chắn lối
chốn quê tình vẫn đậm nét trinh nguyên

nếp sống bình yên màu xanh sắc lá
gói ghém cuộc đời nắng hạ mưa đông
đột khói lam chiều tương tư mái rạ
anh có thấy gì trong đó hay không ?

bài : Hồi Âm

Ngày anh đi, tôi vẫn còn bé dại
chỉ biết cười thôi, dù buổi chia ly
nhưng vẫn nhớ, khi thuyền nan quay lái
dòng sông xanh dậy sóng tiễn người đi

anh say hải hồ, tôi mê học hỏi
tình cảm chúng mình nào đã...tàn phai
lời tiếc thương anh nhắn về thăm hỏi
bất trí tôi ôn lại tháng năm dài

ừ nhỉ, ngày xưa , cái gì lưu luyến
dòng sông xanh. Trăng thắm. Lũy tre làng
bến nước dò ngoan, núi chờ mây quện
pháo đỏ, rượu nồng...Giỗ, Tết xênh xang

tất cả ngày xưa , chừ là kỷ niệm
bến Trâu Dầm, cầu Bà Đội...tang thương !
vì bởi thời gian một lòng quyết chiếm
cả chúng mình, cả bướm, cả muông chim

nào Bích, nào Ngân, nào Hà, nào Tố
đã không còn vết tích của ngày xanh
mà lại Ngọc Bích, Thu Hà...rất ngộ
đang bốn ba trên mấy nẻo kinh thành

và những Đào tong, Thi gầy, Hải móm
cũng lên đường dẹp loạn giữ quê hương
như anh biết tre tàn măng sẽ nhóm
câu hát : à ơi...vẫn quyến trong sương

chưa rượu tao phùng đã nhiều ngầy ngất
khi ngày xưa sống dậy ở trong tôi
tiếng hát ru con, ru tình thứ nhất
tiếng quê hương hay tiếng nói cuộc đời

tôi phục tài anh, ngày xưa, còn nhớ
và mối tình gắn bó với quê làng
muốn ngỏ đôi lời, nhưng sao vẫn ngại
anh có buồn khi người ấy sang ngang ?

(Thành Tôn - Thấp Tình - 1969)

Qua giai đoạn thứ hai, thơ Thành Tôn nghiêng nhiều về luận lý, tư tưởng. Thể loại anh cảm thấy thích hợp để diễn đạt những suy nghĩ của mình thường là lục bát, hoặc 7, 8 chữ ngắn dài lẫn lộn, không gò bó bởi âm vận. Nhưng với một kỹ thuật dùng chữ, chọn hình ảnh đã nhuần nhuyễn, thơ Thành Tôn bước một bước khá xa trong sự thành công về thi ca của anh. Nội dung xoáy sâu trong thân phận con người cùng xã hội chung quanh. Có thể chúng tôi không diễn đạt hết ưu điểm của thơ Thành Tôn trong giai đoạn này, nên xin mời đọc tiếp trích dẫn :

bài Ranh Giới

Vui riêng, cười lẻ, khóc thầm
đời sao sống vậy hồi âm cõi nào
vô ra nhạt bóng lao đao
co thân thủ thế trông vào những đâu

nhện buồn chỉ đó canh trâu
lưới chăng hồn dựng mắt sầu nhật thừa
tôi lui chân lạc tay thừa
mẹ cha cũng vậy nên chưa hiểu giùm

xuống lên trời tận đất cùng
anh em ngày một muôn trùng cách xa
máu hồng mạch sẻ lần qua
bàn chân vĩa phố một ta kẻ chờ

dây dưa chấp nẻo ơ thờ
ngọn đèn chứng dám cũng mờ bóng quen
sống không tiếng động thân hèn
lại qua cũng vậy chi bằng thu thân

đi, về bóng lạ bàn chân

dòng sông nghiệp dĩ tiếp dần biển khơi
quanh co nghĩ rộng đất trời
cái tôi hiện hữu một thời vong nô

khép dần cánh cửa hư vô
thân chưa nhập thể cơ hồ cách xa

bài Cuối Cuộc Kiếm Tìm

Tôi rảo bước trên sợi giây ngờ vực
nhưng lạ thay vẫn giữ được thăng bằng
tôi giả lơ với tôi từng uẩn khúc
tra hỏi mình phải sống đây chăng

nó đã đến trú nơi tôi từng bữa
và tò mò lục lạo nỗi ưu tư
tôi nhẩn túi có gì đâu đời sống
tóc đã thưa dần râu đã hư

tôi rờ khắp châu thân rồi tự hỏi
có tay chân mặt mũi cũng tình cờ
ở trong đó âm thầm vang tiếng gõ
và máu hồng chắc cũng hư vô

tôi tra gạn tôi như cuộc chiến
không lý do trên số phận con người
sống lẩn lút để thấy mình hiển hiện
mãi rồi quen nghĩ cũng vui

khi bắt gặp tôi thấy mình ủy mị
thân cong vòng uốn dẫu hỏi băng quơ
gương trước mặt vô tình không tráng thủy
nên lập lòe tôi nổi hư vô

(Thành Tôn - Thấp Tình -1969)

Những bài thơ mới viết tại hải ngoại đã xuất hiện ở các tạp chí Sóng Văn, Hợp Lưu, Văn Văn Học,
Và một số đặc san Quảng Nam, mời các bạn yêu thơ tìm đọc, để thấy thêm những nét mới trong thơ
Thành Tôn, tại Hải ngoại.

Châu Thị Ngọc Lê